

VỀ HÀNH TRẠNG CỦA ĐỘI NGŨ TƯỚNG LĨNH NHÀ BẮC TỔNG THAM CHIẾN TẠI ĐẠI CỔ VIỆT (980-981)

NGUYỄN QUỐC SINH*

Tháng 7 năm canh Thìn (980) Tống Thái tông cho lập *Giao Châu hành doanh*, nhằm chuẩn bị cho việc tiến quân sang xâm lược Đại Cổ Việt. Thành phần các tướng lĩnh tham gia cuộc chiến này được *Đại Việt sử ký toàn thư* chép lại như sau: “nhà Tống lấy Hầu Nhân Bảo làm Giao châu lục lộ thủy lộ chuyển vận sứ, Lan Lăng đoàn luyện sứ Tôn Toàn Hưng, Bất tác sứ Hác Thủ Tuấn, Yên bí khố sứ Trần Khâm Tộ, Tả giám môn tướng quân Thôi Lượng làm Ung Châu Lộ binh mã bộ thư, Ninh Châu Thứ sử Lưu Trường, Quân khí khố phó sứ Giả Thực, Cung phụng quan cấp môn chi hậu Vương Soạn làm Quảng Châu Lộ binh mã đô bộ thư...” (1).

Với một đội ngũ tướng lĩnh không ít như vậy, lại chỉ huy một đội quân đông đảo, thiện chiến; thế nhưng chỉ trong vòng chưa đầy 3 tháng giao tranh với quân dân Đại Cổ Việt, quân Tống đã hoàn toàn đại bại, buộc phải rút quân trở về nước. Triều đình nhà Tống sau khi luận tội các tướng lĩnh, đã xóa tên hầu hết những người này khỏi quan tịch và không biên chép họ vào phần nhân vật chí của các bộ sử. Tuy nhiên, thông qua những ghi chép của *Tống sử bản kỷ*, *Tống sử liệt truyện*, cũng

như các bộ sử khác của Trung Quốc và Việt Nam, bài viết này nhằm phục dựng một phần nào đó nguồn gốc xuất thân và sự nghiệp chính trị của các nhân vật này.

1. Gia thế của các tướng lĩnh trong *Giao Châu hành doanh*

Đối với mỗi nhân vật lịch sử, ngoài tư chất, sự nỗ lực của cá nhân thì hoàn cảnh gia đình hay môi trường sống luôn có những ảnh hưởng, quan trọng đến sự hình thành nhân cách và sự phát triển của sự nghiệp. Đặc biệt là dưới xã hội quân chủ chuyên chế của Trung Quốc, do nhu cầu bảo vệ vững chắc nền cai trị lâu dài của dòng họ, nên các triều đại này hết sức đề cao chữ “Trung”, từ đó, rất coi trọng nguồn gốc xuất thân của kẻ dưới. Vì vậy, trong đánh giá của triều đình đối với các nhà chính trị, vấn đề nguồn gốc xuất thân đôi khi còn quan trọng hơn cả tài năng của chính họ.

Trên cơ sở các tư liệu còn ghi chép lại được, xét về nguồn gốc xuất thân, có thể chia đội ngũ tướng lĩnh của *Giao Châu hành doanh* thành hai nhóm: *Thứ nhất*, nhóm tướng lĩnh có nguồn gốc từ các danh gia vọng tộc thời kỳ Ngũ đại thập quốc và Bắc Tống; *Thứ hai*, là nhóm không rõ nguồn gốc xuất thân.

Trong nhóm tướng lĩnh có xuất thân từ các

*TS. Viện Sử học

danh gia vọng tộc thời kỳ Ngũ đại thập quốc và Bắc Tống có thể kể đến: Hầu Nhân Bảo, Vương Soạn, Trần Khâm Tộ và Giả Thực.

Hầu Nhân Bảo sinh ra trong một gia đình danh môn gia tướng, cha là Hầu Ích (886-965) quê ở huyện Bình Dao, thuộc Phần Châu (2). Hầu Ích đến tuổi lập nghiệp đã đầu quân cho Lý Tồn Úc (885-926) và lập được rất nhiều công trạng, nên được thăng chức là *Mã tiền vệ chỉ huy sứ*. Trải qua các triều Hậu Đường (923-936), Hậu Tấn (936-947) và Hậu Hán (947-950), Hầu Ích vẫn tiếp tục được trọng dụng và được thăng chức làm Khai Phong đoãn kiêm Trung thư lệnh. Sau này Quách Uy (904-954) khởi binh chống lại Hậu Hán, Hầu Ích đã đầu hàng viên tướng này. Sau khi Quách Uy lập nên nhà Hậu Chu (951-959), đã phong cho Hầu Ích làm Thái sử, tước Sở Quốc công (về sau gia phong là Tề quốc công). Đến năm 954, do tuổi cao nhiều bệnh, Hầu Ích xin từ quan, trở về dưỡng lão ở Lạc Dương. Sau khi Triệu Khuông Dận (927-976) lập nên nhà Tống, tiếp tục chính sách hậu đãi các cựu thần của nhà Hậu Chu, do đó Hầu Ích mỗi năm được thượng triều một lần. Vào năm 965, Hầu Ích qua đời do tuổi cao, được nhà Tống truy tặng là Trung thư lệnh (3).

Anh trai của Hầu Nhân Bảo là Hầu Nhân Cự (914-969), theo cha chinh chiến từ tuổi tráng niên, cũng lập được nhiều công trạng. Dưới thời Hậu Hán được phong là Thứ sử Tập Châu, đầu thời Hậu Chu, được điều động trở về Kinh sư để giữ chức Tả vũ lâm tướng quân. Sau khi nhà Tống được thành lập, Hầu Nhân Cự lần lượt được điều động đến Kỳ Châu và Hùng Châu - là những trọng trấn ở phía Bắc, thường diễn ra chiến sự với người Khiết Đan. Điều đó chứng tỏ tài năng quân sự và sự tín nhiệm của triều Tống đối với Hầu

Nhan Cự và gia tộc họ Hầu. Hầu Nhân Bảo còn có hai người em trai là Hầu Nhân Ngộ và Hầu Nhân Hưng. Hầu Nhân Ngộ làm quan đến chức Tây Kinh nội viên sứ, còn Hầu Nhân Hưng là Hữu đồn vệ tướng quân.

Một viên tướng khác, cũng có gia thế thuộc vào hàng danh môn sĩ tộc, đó là Vương Soạn. Trong *Tống sử*, ở mục *Vương Sằn truyện* có chép rằng: “Em là Soạn, Cung phụng quan, Cấp môn chi hậu, vì bại trận trong lần chinh phạt Giao Chỉ mà bị xử tội chết” (4). Như vậy, Vương Soạn là em của Vương Sằn, mà “Vương Sằn tên tự là Bí Quyền, là người huyện Tuấn Nghi, Khai Phong. Cha (tên) Phác (là) *Khu mật sứ* của nhà Chu” (5).

Vương Phác (906-959), tên tự là Văn Bá, người huyện Đông Bình, Sơn Đông. Ngay từ nhỏ đã sớm bộc lộ tư chất thông minh và khả năng văn chương. Nhưng mãi tới năm 44 tuổi mới đỗ Tiến sĩ và làm quan nhà Hậu Hán với chức Hiệu thư lang. Sau đó, nhận thấy tình hình chính trị của nhà Hậu Hán ngày càng suy vi, Vương Phác đã từ quan trở về quê cũ. Vào khoảng năm 951, nhận thấy thế lực của Sài Vinh (921-959) ngày càng lớn mạnh, nên đã gia nhập đội quân này. Một trong những đóng góp lớn nhất của Vương Phác chính là việc dâng *Bình biên sách* và được Hậu Chu Thế Tông vô cùng tán thưởng. *Bình biên sách* là tập hợp các chiến lược, nhằm mục tiêu giúp cho Chu Thế Tông củng cố nhà Hậu Chu, đồng thời đưa ra các kế sách trong việc chinh phạt các thế lực cát cứ để thống nhất lại Trung Hoa. Sau khi dâng *Bình biên sách*, Vương Phác ngày càng nhận được sự trọng dụng của Sài Vinh, dần dần được thăng làm Khu mật sứ, Kiểm hiệu Thái bảo (6). Do Hậu Chu Thế Tông mất sớm, nên kế hoạch thống nhất Trung Hoa của nhà Hậu Chu cũng theo đó mà tiêu tan (7). Vương

Phác cũng mất cùng năm với Hậu Chu Thế Tông, nhờ đó mà Triệu Khuông Dận mới có thể làm nên được Bình biến Trần Kiều. Sau khi lập nên triều Tống, Tống Thái tổ đã đánh giá về Vương Phác như sau: “Người này (mà) còn, trăm không thể nào khoác được long bào” (8).

Vương Phác có bốn người con trai, Vương Soạn là con trai thứ hai của ông và cũng chính là viên tướng đã tham chiến ở Đại Cồ Việt. Anh trai của Vương Soạn là Vương Sằn từng đảm nhiệm Binh mã đô giám của Vân Châu và Ứng Châu. Sau này tham gia *Ung Hy bắc phạt*, nhưng do không kịp thời tiếp viện cho Dương Nghiệp, dẫn đến sự thất bại của cánh quân này, khiến Dương Nghiệp phải tự sát. Vì nguyên nhân đó mà bị cách chức và điều đi Kim Châu, về sau được phục chức Đoàn luyện phó sứ của Vân Châu (9). Hai người em trai của Vương Soạn là Vương Bị và Vương Yển đều đỗ Tiến sĩ cập đệ, Vương Yển làm quan đến Thái thường bác sĩ (10).

Trần Khâm Tộ cũng là một viên tướng xuất thân danh gia vọng tộc thời Ngũ đại thập quốc (907-979) và thời Bắc Tống (960-1127). Trong *Tống sử* chép tiểu truyện của *Hộ quốc Tiết độ sứ* Trần Tư Nhượng có đoạn: “con trai là Khâm Tộ, sau nhiều lần được thăng chức, làm quan tới Hương được quân khố sứ, Thứ sử Trường Châu” (11). Căn cứ vào những ghi chép của sử liệu thời Tống, dưới thời Bắc Tống chỉ có duy nhất một nhân vật có tên là Trần Khâm Tộ và cũng chính là người đã tham gia vào cuộc chiến tranh Tống - Việt lần thứ nhất.

Trần Tư Nhượng (903-974), người huyện Lô Long (12). Cha của Tư Nhượng là Trần Thảm Xác, làm quan từ thời Hậu Đường cho đến Hậu Tấn, giữ chức Thứ sử của 8 châu, lần lượt là: Đan, Thuận, Trác, Vận, Phần, Đường, Kỳ, Thành (13), cuối đời

làm quan tới chức Kim Châu phòng ngự sứ. Tư Nhượng tiếp bước cha làm quan dưới các triều Hậu Hán, Hậu Chu và Bắc Tống. Đầu thời Tống, được phong chức Bảo Tín Tiết độ sứ, gia phong là Kiểm hiệu Thái phó. Trong thời gian này, Hoàng tử Đức Chiêu - con trai thứ của Tống Thái Tổ, đã lấy con gái của Trần Tư Nhượng làm phu nhân (14). Từ đây, gia tộc họ Trần có mối quan hệ mật thiết với Hoàng tộc nhà Tống.

Giả Thực là con trai trưởng của Giả Diệm, người đất Hoạch Lộc, Chân Định (15). Họ Giả cũng là một danh gia vọng tộc dưới thời Đường, tổ của Giả Thực là Giả Đàm (730-805), đảm nhiệm chức Tể tướng, tước Đường Quốc công dưới thời Đường Đức Tông. Từ sau Giả Đàm, con cháu của gia tộc này đã chuyển cư về sinh sống ở vùng Hoạch Lộc, Chân Định. Cuối Đường loạn lạc khiến gia tộc họ Giả có phần suy vi. Đến đời ông nội của Giả Thực là Giả Vĩ (?-952), thì gia tộc này bắt đầu hưng khởi trở lại. Dưới triều Hậu Tấn, Giả Vĩ làm quan tới chức Trung thư xá nhân, Cấp sự trung. Giả Vĩ sinh ra Giả Diệm, Diệm nhờ cha nên được tập ấm, được giữ chức Chủ bạ. Sau được em trai của Tống Thái Tổ là Triệu Quang Nghĩa (939-997) nâng đỡ mà Diệm được điều về làm quan ở Khai Phong. Sau khi Quang Nghĩa lên ngôi vua, Diệm được thăng chức Tả chính nghị đại phu. Không lâu sau thì được đề bạt làm Tam ty phó sứ. Diệm mất năm 977 trước khi Giả Thực tham chiến ở Đại Cồ Việt. Giả Diệm có hai người con trai là Giả Thực và Giả Phần. Phần làm quan đến chức Điện trung thừa (16).

Về nhóm tướng lĩnh không rõ nguồn gốc xuất thân, có thể kể tới, Tôn Toàn Hưng, Hác Thủ Tuấn, Lưu Trùng và Thôi Lượng.

Trong số đó, Tôn Toàn Hưng và Hác Thủ Tuấn đều là những tướng lĩnh có nhiều năm phục vụ cho các chính quyền của

Tổng Thái Tổ và Tổng Thái Tông. Tôn Toàn Hưng là đại tướng trấn giữ trọng trấn Hùng Châu - cửa ngõ phương Bắc tiếp giáp với vương quốc của người Khiết Đan. Trong *Tứ khố toàn thư*, *Nhị thập tứ sử* và các bộ sử khác đều không tìm thấy những ghi chép về nguồn gốc xuất thân của Tôn Toàn Hưng. Vì vậy, chúng tôi tạm xếp Tôn Toàn Hưng vào nhóm tướng lĩnh này.

Trong *Giao Châu hành doanh*, chức quan Bát tác sứ được sử liệu hai nước Tống và Đại Việt ghi chép có nhiều điểm khác nhau. Toàn thư chép là Hác Thủ Tuấn (郝守俊) (17), nhưng chữ Tuấn (俊) được chép ở đây lại khác so với Hác Thủ Tuấn (郝守濬) được chép trong *Trường biên*. *An Nam chí lược* vốn chép là Hác Tuấn (郝俊), nhưng sau đó người hiệu đính dựa vào *Các bản* và *Tống sử*, đã sửa Hác Tuấn thành Trương Toàn (張琬) (18). Chức quan *Bát tác sứ* được chép trong *Tống hội yếu tập cảo* nguyên khuyết, nhưng Từ Tòng căn cứ vào các sử liệu khác để bổ khuyết, và cho rằng chức quan *Bát tác sứ* của *Giao Châu hành doanh* cũng là Trương Toàn.

Có một chi tiết đáng chú ý, sau khi cuộc chiến kết thúc, nhà Tống tiến hành luận tội các tướng lĩnh, thì chức quan *Bát tác sứ* trong *Giao Châu hành doanh* (dù là Hác Thủ Tuấn hay Trương Toàn) được sử liệu hai nước ghi chép giống nhau là bị giáng chức làm Đoàn luyện phó sứ của Từ Châu. Tuy nhiên, sau năm 981, hoàn toàn không tìm thấy sự tích của Trương Toàn và tham gia xâm lược Đại Cồ Việt chính là sự kiện duy nhất mà sử liệu Trung Quốc ghi chép về nhân vật này. Trong khi đó, sự tích về Hác Thủ Tuấn sau năm 981, lại tiếp tục được đề cập trong nhiều bộ sử khác nhau như trong *Tống sử*, *Tống hội yếu tập cảo*, *Tư trị thông giám trường biên*... và tên của nhân vật là 濬 (Tuấn). Điều này cho thấy,

ghi chép của Lý Đào trong *Trường biên* về chức quan Bát tác sứ trong *Giao Châu hành doanh* là tương đối chính xác. *Tống sử* có lẽ đã chép sai họ tên của nhân vật, còn sự nhầm lẫn trong các ghi chép của sử liệu Việt Nam, là do hiện tượng đồng âm, bởi 濬 và 俊 âm Hán - Việt đều đọc là *tuấn*. Trên cơ sở những cứ liệu còn chép lại của sử cũ Trung Quốc, Hác Thủ Tuấn cũng là nhân vật không rõ nguồn gốc xuất thân.

Trong khi đó, Lưu Trường và Thôi Lượng có nguồn gốc là tướng của nước Nam Đường (937-978). Khi Tổng Thái Tổ phát động cuộc chiến tranh nhằm tiêu diệt vương quốc này, cả hai đều ra hàng và xin được đầu quân cho nhà Bắc Tống.

Tra *Tứ khố toàn thư*, *Nhị thập tứ sử* và *Thập quốc xuân thu* đều không tìm thấy những ghi chép về nguồn gốc xuất thân của Lưu Trường. Sự xuất hiện của Lưu Trường được hầu hết các bộ sử ghi chép lại như sau: "Lưu Trường là thủ hạ cũ (trong phủ) của Hậu chủ (tức Nam Đường hậu chủ Lý Dục - TG) thời còn làm phiên vương" (19); và đều không cho biết cha của Lưu Trường là ai.

Trong số tướng lĩnh của Nam Đường, ngoài Lưu Trường, còn một hàng tướng khác là Thôi Lượng. Tuy nhiên, do chức quan của Thôi Lượng khá thấp và có lẽ cũng không có nhiều đóng góp cho chính quyền Bắc Tống, nên hầu hết các bộ sử của Trung Quốc đều không ghi chép lại nguồn gốc xuất thân của Thôi Lượng. Sở dĩ có thể biết được Thôi Lượng có nguồn gốc từ Nam Đường là nhờ thông qua đoạn chép về Lưu Trường. *Tống sử* chép: "Đến khi hạ được Nhuận Châu, bắt được Tri châu Lưu Trường và Giám quân Thôi Lượng, đều đem về cửa Khuyết" (20). Thông tin về Thôi Lượng chỉ dừng lại ở đoạn chép này và đoạn chép khi tham chiến Đại Cồ Việt, ngoài ra, các bộ sử Trung Quốc đều không cho biết thêm các chi

tiết khác về Thôi Lượng.

Như vậy, đại đa số các tướng lĩnh của *Giao Châu hành doanh* đều có nguồn gốc xuất thân từ những danh gia vọng tộc có truyền thống từ thời Ngũ đại thập quốc đến thời Bắc Tống. Các thành viên trong những gia tộc này nhiều đời làm quan, lập được nhiều công trạng và giữ những vai trò quan trọng dưới chính quyền Tống Thái Tổ và Tống Thái Tông. Nguồn gốc xuất thân danh giá giúp cho họ có một nền tảng về chính trị, đồng thời tạo ra những bộ đồ quan trọng giúp họ xác lập được uy tín trước toàn quân.

2. Sự nghiệp chính trị của các viên tướng trước khi tham chiến ở Đại Cồ Việt

Về sự nghiệp chính trị của đội ngũ các tướng lĩnh trong *Giao Châu hành doanh* trước khi tham chiến ở Đại Cồ Việt, có thể chia làm hai nhóm: *Nhóm thứ nhất*, là các tướng lĩnh đang trong giai đoạn thăng tiến và *nhóm thứ hai*, là những tướng lĩnh đang trong giai đoạn thử thách, tức vừa bị giáng chức hoặc là hàng tướng của Nam Đường.

Đối với nhóm tướng lĩnh đang trong giai đoạn quan lộ thăng tiến, có thể kể đến Hầu Nhân Bảo, Hác Thủ Tuấn, Trần Khâm Tộ và Vương Soạn. Hầu Nhân Bảo là con thứ ba của Hầu Ích, không rõ năm sinh, những có lẽ được sinh ra vào khoảng sau năm 948. Nguyên do là vào năm 948, Triệu Tư Oản tiến hành binh biến ở Trường An, Phụng Tường Tiết độ sứ Vương Cảnh Sùng dựa vào thế lực của Oản để phản lại triều Hậu Hán. Do có mối thâm thù với Hầu Ích, vào tháng 9 năm đó, Vương Cảnh Sùng đã thông đồng với Lý Thủ Trinh cho quân lính giết chết cả nhà Hầu Ích với hơn 70 người, chỉ còn sót lại hai cha con Hầu Ích và Hầu Nhân Cự lúc đó nhậm chức ở bên ngoài, không có ở nhà nên thoát chết (21). Hầu Nhân Cự lại là con thứ hai của Hầu Ích, do

đó người con thứ 3 là Hầu Nhân Bảo được sinh sớm nhất là vào năm 949.

Hầu Nhân Bảo sống cùng với cha ở Lạc Dương, do có nhà cao rộng tốt, nên thích dong chơi, không màng đến quan lộ. Nhờ gia tộc nhiều đời công huân mà lấy được em gái của Tể tướng Triệu Phổ. Về quan lộ của Nhân Bảo, *Tống sử* chép: “Nhân Bảo nhờ tập ấm mà được làm Thái tử trung doãn” (22). Năm 969, anh trai của Nhân Bảo là Nhân Cự mất, Bảo trở thành con trưởng trong gia đình và được thừa hưởng chế độ tập ấm. Có lẽ, Nhân Bảo bắt đầu bước vào quan lộ sớm nhất là từ năm này.

Trong *Tư trị thông giám trường biên*, Lý Đào cho rằng “Vợ của Bảo là em gái của tể tướng Triệu Phổ, Nhân Bảo (nhờ đó mà được) trông coi công việc ở Tây Kinh. Lư Đa Tốn và Phổ vốn có hiềm khích, Phổ bị bãi chức thừa tướng, (Lư Đa Tốn) nhân đó tâu với vua lấy Nhân Bảo làm Tri Ung Châu, hết thảy 9 năm mà không có người thay thế” (23). Vì lý do đó, mà Hầu Nhân Bảo mới dâng sớ lên triều đình để xin được đi đánh Đại Cồ Việt, với hy vọng thông qua trận chiến này lập được công lớn, mà được triều đình chú ý tới và điều động quay trở về Kinh sư. Tuy nhiên, *Tục tư trị thông giám trường biên* và *Tống sử* đều xác nhận một thông tin rằng, Hầu Nhân Bảo công cán ở Ung Châu suốt chín năm chưa về nhà. Thông qua chi tiết này, có thể thấy rằng, Hầu Nhân Bảo phải được bổ nhiệm làm Tri Ung Châu từ khoảng năm 970 hoặc 971. Trong khi đó, Triệu Phổ bị Tống Thái Tổ bãi chức Tể tướng vào tháng 8 âm lịch, năm 973, nhưng mãi đến khi Tống Thái Tông lên ngôi vào năm 976, thì Lư Đa Tốn mới được bổ nhiệm thay thế. Vì vậy, việc điều Hầu Nhân Bảo đến Ung Châu không phải xuất phát từ mâu thuẫn giữa Lư Đa Tốn và Triệu Phổ, mà là nằm trong ý đồ

chiến lược của Tống Thái Tổ.

Đầu thời Bắc Tống, người nắm giữ quyền quản lý các châu thường là chức Thông phán. Tuy nhiên, rút kinh nghiệm từ nạn cát cứ của thời Ngũ đại, Tống Thái Tổ đã cử văn thần đến các địa phương cho nắm giữ chức Tri châu, phẩm cấp từ tứ phẩm trở lên, nhằm mục đích kiểm chế và giám sát các trưởng quan ở mỗi địa phương. Về sau thì cử những người có phẩm cấp từ nhị phẩm trở lên cho giữ chức Tri châu. Ở những châu càng quan trọng thì phẩm cấp của Tri châu lại càng cao. Cho nên vào thời Tống sơ, Tri châu thường được xem là thân tín và tai mắt của hoàng đế ở các địa phương. Như ở trên đã từng đề cập, trước khi đến Ung Châu, quan danh của Hầu Nhân Bảo lần lượt là Thái tử trung doãn và Thái thường bác sĩ, cả hai vị trí này đều “là văn thần ký lục quan, ngũ phẩm” (24) tức là hạng có quan danh, có đãi ngộ nhưng không có nhiệm vụ cụ thể. Việc Hầu Nhân Bảo được điều động cho nhậm chức Tri Ung Châu không phải là bị biếm điều, mà thực chất là được thăng chức, để trở thành tai mắt của Hoàng đế nhà Tống trong việc cai quản Ung Châu cũng như nghe ngóng tình hình của Đại Cồ Việt (đặc biệt là sau khi Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi hoàng đế), nhằm phục vụ cho chiến lược “Tiên Nam, hậu Bắc”.

Trong *Giao Châu hành doanh*, Hác Thủ Tuấn cũng là một viên tướng dày dặn kinh nghiệm trận mạc, Tuấn đã tham gia trong nhiều cuộc chiến lớn dưới thời Thái Tổ và Thái Tông. Tháng 12 âm lịch, năm 964, Tống Thái Tổ quyết định xuất binh tiêu diệt Hậu Thục (934-965), trong đội quân viễn chinh của nhà Tống, “*Cung phụng quan* Hác Thủ Tuấn làm *Hào trại Đô giám*” (25). Sau khi tiêu diệt xong Hậu Thục, Tống Thái Tổ luận công ban thưởng, Hác

Thủ Tuấn được thăng chức Bát tác sứ.

Vào tháng 9, năm 974, Tống Thái Tổ lại hạ chiếu tiến quân xâm lược Giang Nam, lấy Tào Bân (931-999) là chủ tướng, Phan Mỹ (925-991) làm phó tướng, chia đường tiến đánh. Trước đó, nhà Tống đã nhiều lần có ý định xâm lược Nam Đường, nhưng giữa hai nước có sông Trường Giang là biên giới tự nhiên, nên việc tiến quân và thực hiện tác chiến là không hề dễ dàng. Để khắc phục khó khăn trên, Tống Thái Tổ đã lệnh cho Bát tác sứ Hác Thủ Tuấn “đem theo phu dịch và thợ mộc từ Kinh Nam dùng thuyền lớn theo (hướng) Lang Châu đem theo tre trúc, làm Hoàng long thuyền và Hắc long thuyền; đến Thái Thạch Ki (26) làm cầu phao vượt sông” (27). Nhờ phương sách này, cùng với trợ thủ đắc lực là Hác Thủ Tuấn, mà quân Tống đã thành công vượt qua sông Trường Giang, qua đó hình thành thế bao vây để đi đến tiêu diệt hoàn toàn Nam Đường.

Đến khi Thái Tông cho quân xâm lược Đại Cồ Việt, Hác Thủ Tuấn lại một lần nữa được điều động tham gia vào đoàn quân viễn chinh với một chức vụ được sử liệu hai nước Tống và Đại Việt ghi chép tương đối khác nhau. *Toàn thư* chép là “Bát tác sứ - 漆作使”, còn sử liệu Trung Quốc chép là “Bát tác sứ - 八作使”. Tra mục *Quan chức chí* của *Tống hội yếu*, *Tống sử* và *Trung Quốc lịch đại quan chế đại từ điển*, không tìm thấy chức *Bát tác sứ*, chỉ có *Bát tác sứ* (28). Dường như *Toàn thư* đã có sự nhầm lẫn trong ghi chép về chức quan của Hác Thủ Tuấn. Căn cứ vào hành trạng của Tuấn và địa hình nhiều sông suối của Đại Cồ Việt, có thể đoán định được chức trách của y là xây dựng cầu, đường để cho quân Tống hành quân.

Trần Khâm Tộ cũng là một viên tướng đang trên đà thăng tiến và nhận được sự

trọng dụng từ triều đình nhà Tống. Vào năm 974, Trần Tư Nhượng mất, khi đó “con trai của ông ta là Khâm Tộ làm Thượng thực lục, Điện trung tỉnh, chuyên lo việc bảo vệ ngự thiện cho hoàng đế. Được bổ nhiệm làm quan ở nơi có can hệ trực tiếp đến sức khỏe và sinh mệnh của hoàng đế và hoàng gia cho thấy được sự tín nhiệm của triều đình nhà Tống dành cho Trần Khâm Tộ và gia tộc của ông. Sau khi rời Thượng thực lục, Khâm Tộ được bổ dụng làm Lộ Châu đô giám, đến tháng 2 âm lịch, năm 979, thì được thăng chức làm *Tri Uy Thắng quân*. Dưới thời Tống, Uy Thắng quân là một đơn vị hành chính quân sự quan trọng, cách huyện Đồng Đức thời Đường 30 dặm về phía Đông Bắc. *Địa lý chí* của *Tống sử* chép về Uy Thắng quân như sau: “Thái Bình Hưng Quốc năm thứ 3 (979), (do có) loạn Liêu Thạch ở huyện Đồng Đức, Lộ Châu, (mà) lập ra quân (này)” (30). Sau một thời gian giữ chức Tri Uy Thắng quân, Trần Khâm Tộ tiếp tục nhận được sự tín nhiệm của Tống Thái Tông và được tham gia vào đội ngũ tướng lĩnh chỉ huy đoàn xâm lược Đại Cồ Việt.

Vương Soạn cũng là một tướng lĩnh đang được trọng dụng dưới thời Tống Thái Tông. Tháng 2 âm lịch, năm 978, Tống Thái Tông điều quân đi chinh phạt Bắc Hán (951-979). Tháng 3 âm lịch, đại quân Tống tiến đến Trấn Châu, từ đây chia quân đi đánh Vu huyện, Thẩm Châu, Phần Châu và Lam Châu. “Ngày Mậu Tý, lệnh cho Lục trạch sứ Hầu Kế Long tấn công Thẩm Châu, Cấp môn chi hậu Vương Soạn tấn công Phần Châu” (31). Chiến thắng ở Thẩm Châu và Phần Châu đã giúp cho quân Tống có thể đứng chân, từ đó thuận lợi tiêu diệt hoàn toàn Bắc Hán. Do Bắc Hán là chư hầu của người Khiết Đan, nên từ sau

chiến thắng Bắc Hán, quan hệ giữa Tống và Liêu ngày càng căng thẳng. Nhằm tạo ra mối liên minh với Cao Ly để chống lại người Liêu, tháng 1 âm lịch, năm 980, Tống Thái Tông “sai Cung phụng quan, Cấp môn chi hậu Vương Soạn đi sứ Cao Ly” (32). Sau chuyến đi này trở về, Vương Soạn được Tống Thái Tông điều động tham gia vào hàng ngũ chỉ huy quân xâm lược Đại Cồ Việt.

Đối với nhóm tướng lĩnh đang trong giai đoạn thử thách, có thể kể đến Tôn Toàn Hưng, Giả Thực, Lưu Trường và Thôi Lượng. Quan lộ của Tôn Toàn Hưng không được bằng phẳng như nhóm tướng lĩnh kể trên. Hưng bước vào quan trường với chức Nội viên sứ. Do Tri Hùng Châu là Lý Hàn phạm tội tất trách, bị điều đi trấn trị nơi khác, nên Tôn Toàn Hưng được bổ nhiệm thay thế, giữ chức Quyên Tri Hùng Châu và mãi về sau, mới được chính thức giữ chức Tri Hùng Châu. Hùng Châu (33) là cửa ải phía Bắc quan trọng nhất của nhà Tống. “Khiến Đan nam tiến, Hùng Châu là nơi xung yếu hàng đầu. Những ngày chiến tranh khói lửa không ngừng, sứ giả hai nước qua lại đều phải đi qua Hùng Châu. Trong khoảng 150 năm của thời Bắc Tống, Hùng Châu luôn là tuyến đầu và cũng là nơi nhạy cảm nhất trong số các hùng phiên đại trấn. Bất kỳ cử động của người trấn giữ châu này, thường thường sẽ đưa đến những thay đổi về toàn cục, điều này đã được thư tịch của thời Tống ghi chép lại nhiều lần” (34).

Với tầm quan trọng như vậy của Hùng Châu, những người được giao nhiệm vụ trấn thủ nơi đây ắt hẳn phải có tài cầm quân, am hiểu binh pháp và tất nhiên phải là những người mà vua Tống hết sức tin cậy, như anh trai của Hầu Nhân Bảo là Hầu Nhân Cự - người mà Tống Thái Tông vô cùng thương tiếc khi mất chính là một ví dụ. Năm 999, Tào Bân - trọng thần và là

một trong số những danh tướng nổi tiếng nhất của thời Bắc Tống, lâm trọng bệnh được vua Tống đến thăm. Khi được Tống Chân tông hỏi về kế sách đối phó với nước Liêu, Tào Bản đã có nhận xét như sau về Tôn Toàn Hưng: “Thái tổ anh vũ định thiên hạ, cũng nhờ phó thác cho Tôn Toàn Hưng trừ tính hòa hảo (với người Khiết Đan)...” (35). Trong chiến lược *Tiền Nam hậu Bắc* của Tống Thái Tổ, việc hòa hiếu với Khiết Đan đóng vai trò mấu chốt cho mọi sự thành bại của công cuộc thống nhất Trung Hoa. Không phải Hầu Nhân Cự, Lý Hàn hay bất kỳ một vị tướng nào dưới đời Tống Thái Tổ, mà chính là nhờ tài năng và sự khôn khéo của Tôn Toàn Hưng đã giúp cho nhà Bắc Tống có thể yên tâm mà chuyển hướng chiến lược xuống phía Nam. Qua đó, có thể thấy rằng, Tôn Toàn Hưng không phải là một tướng lĩnh bình thường, mà đây chắc chắn phải là một viên tướng rất có tài, mới khiến người Liêu phải kiêng nể như vậy.

Tuy nhiên, sự nghiệp chính trị của Tôn Toàn Hưng bắt đầu đi xuống từ tháng 5 âm lịch, năm 980. Lý Đào chép: “Kỷ Mùi, *Đoàn luyện sứ* của Hùng Châu Tôn Toàn Hưng bị giáng chức làm *Đoàn luyện sứ* của Lan Châu, vì thống lĩnh quân đội bảo vệ biên cương, lại nhát gan, yếu mềm, (nên) không xứng với chức ấy nữa” (36). Không rõ vì lý do gì mà Tôn Toàn Hưng lại bị luận tội như vậy, nhưng có khả năng liên quan đến cuộc tấn công của quân Liêu vào biên giới Tống. Tháng 3 âm lịch, năm 980, Liêu Cảnh Tông đem theo 10 vạn quân, thân chinh đi đánh vào biên giới của Tống. Quân chủ lực của Liêu do Liêu Cảnh Tông dẫn đầu đánh thẳng vào Nhạn Môn quan, một cánh quân khác tấn công vào Hùng Châu. Dương Nghiệp và Phan Mỹ mặc dù phải đối diện với quân chủ lực của Liêu nhưng vẫn mở cửa thành mang quân ra nghênh chiến, và

sau đó đã đánh bại được cánh quân này. Ở hướng Hùng Châu, Tôn Toàn Hưng cố thủ không ra đánh, có lẽ vì vậy mà Hưng bị luận tội nhát gan. Sau đó, Hưng bị giáng chức và bị biếm điều đi làm *Lan Châu đoàn luyện sứ*. Việc được điều động đi đánh Đại Cồ Việt là một cơ hội tốt để Tôn Toàn Hưng lấy lại hình ảnh của mình trong mắt Tống Thái Tông.

Giống như Tôn Toàn Hưng, Giả Thực cũng làm quan cho nhà Bắc Tống. Sau khi cha là Giả Diệm mất vào năm 977, Giả Thực được tập ấm, Thái Tông cho ông giữ chức Quân khí khố sứ. Ba năm sau, Giả Thực được Tống Thái Tông cho theo đội quân bộ, tham chiến ở Đại Cồ Việt. Do mới bước vào quan lộ, nên Giả Thực cũng mong muốn lập được công danh, để nối gót cha tiếp tục thăng tiến trên con đường chính trị.

Trong số các hàng tướng của Nam Đường đầu quân cho nhà Tống, có hai nhân vật tham gia vào cuộc chiến xâm lược Đại Cồ Việt là Lưu Trừng và Thôi Lượng. Trong khi sự tích về Thôi Lượng là rất ít, không đủ để viết thành tiểu truyện, thì sự tích về Lưu Trừng được đề cập có phần nhiều hơn.

Trong sách *Thập quốc xuân thu* có chép rằng: “Lưu Trừng vốn là thuộc hạ cũ trong phủ của Hậu chủ (Lý Dục) thời còn làm phiên vương” (37). Trước khi đến nhậm chức ở Nhuận Châu, Lưu Trừng giữ chức Thị vệ Đô ngu hầu (38). Năm 975, Bắc Tống phát động cuộc chiến tranh tiêu diệt Nam Đường. Tháng 8 âm lịch, năm 975, quân Tống phối hợp với quân Ngô Việt hình thành thế bao vây Nhuận Châu. Do Nhuận Châu là cửa ngõ để tiến vào kinh đô Kim Lăng của Nam Đường, nên cần phải có một tướng giỏi để trấn giữ nơi này. Triều đình Nam Đường sau nhiều lần bàn bạc đã quyết định phái “lương tướng” (39). Lưu

Trùng làm Nhuận Châu lưu hậu đến trấn nhậm vị trí trọng yếu này. Trước khi lên đường, Lý Dục nói với Lưu Trùng rằng: “Khanh vốn chưa từng rời xa Cô, Cô cũng không nỡ xa khanh, nhưng việc này, ngoài khanh ra thì không còn ai xứng với mưu tính của Cô” (40). Mặc dù, Hậu chủ và Lưu Trùng chủ tớ tình thâm, lại được ủy thác trọng trách quan trọng như vậy, nhưng không lâu sau khi đến Nhuận Châu, Trùng đã đầu hàng quân Tống. Nhuận Châu mất vào tay liên quân Tống - Ngô Việt đã mở toang cánh cửa tiến vào kinh đô Kim Lăng. Biết tin này, Hậu chủ đã đem cả nhà Lưu Trùng hơn một trăm người mang đi xử tử. Lưu Trùng dù là một viên tướng có tài, lại là kẻ thúc thời khi đầu hàng quân Tống, nhưng xét dưới khía cạnh quân trung hiếu nghĩa, thì ông là kẻ tham sống sợ chết, làm hại cả chủ và gia đình của mình.

Sau khi chiếm được Nhuận Châu, quân Tống “bắt Tri châu Lưu Trùng, giám quân Thôi Lượng áp giải đến cửa khuyết” (41). Do biết được tài năng của Lưu Trùng và Thôi Lượng, nên Tống Thái Tổ đã quyết định thu nạp cả hai. Tuy nhiên, với một kẻ bất trung, bất hiếu, bất nghĩa như Lưu Trùng thì dù có tài năng cũng khó mà có được chỗ đứng trong hàng ngũ tướng lĩnh của Bắc Tống. Cho nên ông chỉ được điều động đi làm *Thứ sử* ở một châu miền núi là Ninh Châu (42). Đến năm 980, khi Tống Thái Tông chuẩn bị tiến hành xâm lược Đại Cồ Việt, Lưu Trùng được điều động vào Giao Châu hành doanh, chỉ huy đạo quân thủy.

Mặc dù, đội ngũ tướng lĩnh của Giao Châu hành doanh có quan lộ thăng trầm khác nhau, nhưng phần lớn trong số họ đều thể hiện được tài năng và đã được sự ghi nhận của triều đình nhà Tống bằng việc đang thăng tiến trên con đường chính trị. Hai viên tướng chỉ huy hai đạo thủy, lục

quân là Tôn Toàn Hưng và Lưu Trùng mặc dù đang trong giai đoạn thử thách, nhưng đây lại là hai viên tướng có tài, đã chứng minh được khả năng của mình bằng thực tế chiến trường. Nhìn vào sự nghiệp của các tướng lĩnh này có thể thấy rằng, phần lớn trong số họ chỉ có phẩm cấp từ ngũ phẩm trở xuống, cho nên tham chiến ở Đại Cồ Việt là một cơ hội tốt giúp cho họ có điều kiện lập được chiến công, từ đó mở ra hi vọng tiếp tục được thăng tiến trên con đường chính trị.

3. Về ết cục của các tướng lĩnh sau thất bại ở Đại Cồ Việt

Cuối tháng 4 năm 981, Lê Hoàn sử dụng kế giả hàng để dụ quân Tống đến trận địa mai phục sẵn. Hầu Nhân Bảo do ham lập công, tin tưởng đó là thật, đã hối thúc các cánh quân khác cùng tiến, nhằm phối hợp với nhau để vây bắt Lê Hoàn. Chỉ đạo quân thủy và quân bộ lần lượt là Lưu Trùng và Tôn Toàn Hưng đều có mưu tính riêng để lập công, nên đã quyết định không nghe theo sự đốc thúc của Hầu Nhân Bảo. Do vậy, Bảo đã tự mình dẫn quân đến địa điểm được định sẵn bởi Lê Hoàn, mà không cần sự hỗ trợ của các cánh quân khác. Hầu Nhân Bảo sau đó đã bị quân đội Đại Cồ Việt giết chết tại trận. Quân Tống biết tin này, đã vô cùng hoảng loạn, mất hết tinh thần chiến đấu. *Chuyển vận sử* Hứa Trọng Tuyên biết tin, liền có tấu nghị lên triều đình nhưng tình hình nguy cấp nên không cần chờ phản hồi đã cho quân rút khỏi Đại Cồ Việt.

Trong số các tướng lĩnh nhà Tống, kết cục của hai viên tướng trong *Giao Châu hành doanh* là Hầu Nhân Bảo và Tôn Toàn Hưng đều được ghi chép tương đối rõ ràng. Hầu Nhân Bảo trúng kế giả hàng của Lê Hoàn nên bị giết và xác thì bị vớt trên sông, sau này, triều đình nhà Tống truy “tặng Công bộ Thị lang” cho Hầu Nhân

Bảo. Con cái của Hầu Nhân Bảo nhờ đó mà được hưởng chế độ tập ấm. Hầu Nhân Bảo có hai con trai là Hầu Diên Linh và Hầu Diên Thế. Hầu Diên Linh nhờ được tập ấm, về sau làm quan đến chức Điện trung thừa (43), Hầu Diên Thế cũng làm quan đến chức Thái tử trung xá (44).

Do để cho đại quân đóng trại tại Hoa Bộ không chịu tiến quân, làm lỡ thời cơ phối hợp với cánh quân Hầu Nhân Bảo, nên Tôn Toàn Hưng phải gánh chịu cơn thịnh nộ của Tống Thái Tông cho thất bại tại Đại Cồ Việt. Vua Tống đã yêu cầu mang Tôn Toàn Hưng từ Quảng Tây về kinh sư để trực tiếp luận tội, nên mãi đến tháng 10 âm lịch năm 981, “Toàn Hưng được đưa đến cửa khuyết, (sai) hạ lại đem giết đi” (45). Sau khi bị giết, vào ngày Đinh Tỵ thì “Giao Châu hành doanh bộ thự là Tôn Toàn Hưng bị vớt (xác) ở chợ” (46).

Tuy nhiên, sử liệu hai nước Tống và Đại Việt chép về nhóm tướng lĩnh là Lưu Trùng, Giả Thực và Vương Soạn lại có sự khác nhau về kết cục của họ. *Toàn thư* chép: “Vua Tống xuống chiếu rút quân về, sai sứ quả trách bọn Lưu Trùng, Giả Thực, Vương Soạn. Trùng ốm chết, Soạn bị giết ở Ung Châu, Tôn Hoàng Hưng cũng bị giết bêu ở chợ” (47). *Tống sử - Giao Chỉ truyện* chép tương tự như *Toàn thư*. Nhưng ở phần *Thái Tông bản kỷ*, *Tống sử* lại đưa ra quan điểm trái ngược với *Giao Chỉ truyện* khi cho rằng “Chiếu đem chém Lưu Trùng, Giả Thực trước toàn quân” (48). Trong *Trường biên* của Lý Đào cũng cho rằng, người bị đem chém không phải là Vương Soạn mà lại là Lưu Trùng và Giả Thực (49). Tuy nhiên, về cơ bản cũng chỉ có hai tư liệu trên là thống nhất, bởi các bộ sử khác như: *Tống hội yếu tập cảo*, *Văn hiến thông khảo*, *Tư trị thông giám*... đều ghi chép khá giống với

Toàn thư. Riêng *Tư trị thông giám trường biên* thì cho rằng, người bị ốm chết không phải là Lưu Trùng mà là Vương Soạn (50).

Có thể thấy rằng quá trình luận tội đối với nhóm tướng lĩnh này diễn ra tương đối phức tạp, nó được thể hiện qua sự mâu thuẫn giữa các sử liệu. Tuy nhiên, đối với những nhân vật nói trên, dù sử liệu có ghi chép khác nhau đi chăng nữa, thì họ cũng thuộc nhóm tướng lĩnh mắc tội nặng và đều bị giết với những hình thức khác nhau.

Đối với nhóm tướng lĩnh mắc tội nhẹ hơn thì được các sử liệu ghi chép khá thống nhất, “Trần Khâm Tộ, Hác Thủ Tuấn, Thôi Lượng đều bị giáng chức (xuống làm) Đoàn luyện phó sứ, Trần Khâm Tộ (biếm điều) Khánh Châu, Thủ Tuấn (biếm điều) Từ Châu, Thôi Lượng (biếm điều) Lam Châu” (51). Đội quân do Trần Khâm Tộ cầm đầu cũng là cánh quân Tống tiến sâu nhất vào nội địa Đại Cồ Việt. Tháng 3 âm lịch, năm 981, Trần Khâm Tộ đem quân đến Tây Kết, nhưng không nhận được sự hỗ trợ kịp thời từ các cánh quân khác, nên sau khi biết tin Hầu Nhân Bảo bị giết, cánh quân của Trần Khâm Tộ hoảng loạn mà tháo chạy. Vì vậy mà Trần Khâm Tộ chỉ bị xếp vào nhóm có tội trạng nhẹ, bị biếm điều đi Khánh Châu. Sau thời gian ở Khánh Châu, Trần Khâm Tộ được điều về Trường Châu giữ chức Tri châu (52). Không lâu đó, Trần Khâm Tộ được thăng chức Thứ sử của Trường Châu. Đây cũng có thể nói là viên tướng may mắn nhất của *Giao Châu hành doanh* khi vẫn tiếp tục thăng tiến trên con đường chính trị. Còn Hác Thủ Tuấn, Thôi Lượng đều bị giáng chức và biếm điều đi các địa phương khác giống như trường hợp của Trần Khâm Tộ. Tuy nhiên, từ đó về sau không thấy hành trạng của hai viên tướng này xuất hiện trong các bộ sử của Trung Quốc.

4. Nhận xét

Đội ngũ tướng lĩnh trong *Giao Châu hành doanh* có thành phần tương đối đa dạng, nhưng tựu chung lại, họ đều có xuất thân từ tầng lớp tinh hoa không chỉ dưới thời Bắc Tống, mà còn cả thời Ngũ đại thập quốc. Nguồn gốc danh giá không những giúp cho họ xác lập được uy tín trước toàn quân, mà còn buộc họ phải nỗ lực hơn nữa để giữ gìn danh tiếng cho gia đình. Mặc dù vậy, xuất thân danh giá không đồng nghĩa với việc giỏi dụng binh. Phải chăng đội ngũ tướng lĩnh của *Giao Châu hành doanh* chỉ đều là hữu danh vô thực?

Trên thực tế hoàn toàn không phải như vậy, trong hàng ngũ này vẫn có những tướng lĩnh tài năng như Tôn Toàn Hưng là một ví dụ. Mặc dù quan lộ của y có nhiều thăng trầm, trước khi đánh Đại Cồ Việt còn bị giáng chức, nhưng với một kẻ đã có gần mười năm trấn giữ trọng trấn Hùng Châu, thì Tôn Toàn Hưng rõ ràng không phải là một viên tướng bình thường. Lời nhận xét của Tào Bân về Tôn Toàn Hưng trước khi qua đời chính là một minh chứng. Tôn Toàn Hưng đã đóng một vai trò hết sức quan trọng trong việc ổn định mặt trận phương Bắc để triều Bắc Tống có thể thực hiện được kế *Tiên Nam*, nhờ đó mà thống nhất được Trung Hoa. Chỉ huy đạo thủy quân tiến đánh Đại Cồ Việt là Lưu Trùng cũng không phải là kẻ tầm thường. Việc Lưu Trùng đầu hàng nhà Tống cũng là bất đắc dĩ, nó không phải là biểu hiện của sự bất tài, bởi tại thời điểm đó quân Tống quá mạnh, trong khi vận nước Nam Đường đã đi đến con đường suy vong. Không phải ngẫu nhiên mà Lý Đào và Ngô Nhậm Thần đều đánh giá Lưu Trùng là “lương tướng” - một viên tướng giỏi của nhà Nam Đường. Rõ ràng, tài năng của Lưu Trùng, đặc biệt là tài cầm thủy quân, hẳn phải có giá trị lợi

dụng cho công cuộc thống nhất Trung Hoa thì mới được Tống Thái Tổ tha chết và tiếp tục được sử dụng dưới triều Bắc Tống. Một viên tướng khác cũng rất có tài là Hác Thủ Tuấn đã theo Tống Thái Tổ nam chinh bắc chiến, giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác. Ngay đến cả công việc khó khăn như xây cầu vượt qua sông lớn Trường Giang cũng được ông hoàn thành, nhờ đó mà quân Tống mới có thể tiến quân vào Kim Lăng để tiêu diệt Nam Đường. Do sự ghi chép ít ỏi của thư tịch, không dễ để đánh giá toàn diện về khả năng của họ, nhưng nhìn vào sự nghiệp chính trị của những viên tướng này, có thể thấy rằng, *Giao Châu hành doanh* là một tập hợp tướng lĩnh có khả năng và nhiều tham vọng cá nhân.

Tuy nhiên, “Dụng nhân như dụng mộc” biết sắp xếp khéo léo và sử dụng con người vào từng công việc cụ thể thì mới mong có được thành công. Triều đình Tống, dường như chưa lường đến tình huống khi sử dụng Hưu Nhân Bảo vào vị trí đốc thúc và giám sát hai cánh quân thủy, bộ, khi mục đích lập công để thăng tiến, nhưng lại sử dụng một người kém tài hơn là Hưu Nhân Bảo, để khống chế binh quyền của hai viên tướng tài năng hơn là Tôn Toàn Hưng và Lưu Trùng, thì sự chia rẽ trong hàng ngũ các tướng lĩnh là việc và khó tránh khỏi. Lê Hoàn và triều đình nhà Tiền Lê đã khai thác triệt để tâm lý ham lập công của từng tướng lĩnh, từ đó đưa ra kế sách giả hàng để dẫn dụ Hưu Nhân Bảo. Tôn Toàn Hưng và Lưu Trùng đều là những kẻ đang trong giai đoạn thử thách, đều muốn lập được công trạng riêng, do đó, đã không nghe theo sự đốc thúc của Hưu Nhân Bảo để phối hợp cùng nhau.

Qua đó có thể thấy rằng, một trong những nguyên nhân bại trận của quân Tống là bắt nguồn từ những mâu thuẫn

của hàng ngũ tướng lĩnh. Tuy nhiên, mâu thuẫn này lại xuất phát từ chiến lược sử dụng con người trong chiến tranh của triều đình nhà Tống. Tống Thái Tông và Lư Đa Tốn đã sử dụng cùng một lúc quá nhiều tướng lĩnh có tham vọng, nhưng lại không cơ chế phù hợp để ngăn chặn tham vọng đó. Vì vậy, việc giết hại các tướng lĩnh sau khi tham chiến Đại Cồ Việt cũng là một cách để hướng sự chú ý của dư luận vào các viên tướng, nhằm che đậy sai lầm về mặt chiến lược của triều đình nhà Tống. Mặc dù vậy, mọi thuận lợi có tính khách quan chỉ có giá trị hỗ trợ, bởi chủ thể - quân dân Đại Cồ Việt và triều đình Tiền Lê, mới là nhân tố quyết định sự thành bại của cuộc chiến. Nếu như không có sự đoàn kết trên dưới một lòng, đặt dưới sự chỉ huy của vị tướng tài năng như Lê Hoàn thì dù yếu tố khách

quan có thuận lợi thế nào đi chăng nữa, thì cũng không dễ để đánh bại được kẻ địch mạnh. Do đó, thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Tống của quân dân Đại Cồ Việt rõ ràng là thắng lợi của nguồn lực nội tại, của trí tuệ Việt, đã biết nắm bắt thời cơ và khai thác triệt để những mâu thuẫn trong hàng ngũ tướng lĩnh đối phương.

Việc nghiên cứu để làm rõ hành trạng của đội ngũ tướng lĩnh trong *Giao Châu hành doanh*, giúp ích thêm cho việc nhìn nhận về một trong những nguyên nhân thất bại trước Đại Cồ Việt của quân đội Bắc Tống. Bên cạnh đó, còn cho thấy, sử liệu hai nước Việt Nam và Trung Quốc còn có nhầm lẫn trong quá trình biên chép. Do đó, đối với cuộc chiến tranh Tống - Đại Cồ Việt lần thứ nhất (980-981) vẫn cần tiếp tục đi sâu nghiên cứu, đối sánh tư liệu.

CHÚ THÍCH

- (1). *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr.217.
- (2). Nay là thành phố Bình Dao thuộc tỉnh Sơn Tây, Trung Quốc.
- (3). Thoát Thoát, *Tống sử*, quyển 254, *Hầu ích truyện*, Trung Hoa thư cục 1977, tr.8883.
- (4). Thoát Thoát, *Tống sử*, quyển 274, *Vương Sằn truyện*, tr.9364. Nguyên văn: “弟 儼，供奉官、閤門祗候。坐征交趾軍敗誅”。
- (5). Thoát Thoát, *Tống sử*, quyển 274, *Vương Sằn truyện*, tr.9364. Nguyên văn: “王 侁 字 祕 權，開封浚儀人。父 朴，周樞密使...”。
- (6). Âu Dương Tu, *Tân Ngũ đại sử*, quyển 31, *Chu thần truyện*. Trung Hoa thư cục 1986.
- (7). Về sau, trên cơ sở của *Bình biên sách*, Triệu Khuông Dận và Triệu Phổ đã có những sửa đổi phù hợp với tình hình chính trị lúc bấy giờ để đề ra kế *Tiền Nam hậu Bắc*, qua đó đi đến thống nhất được Trung Hoa. Ngoài sự nghiệp chính trị, Vương Phác còn để lại một số tác phẩm quan trọng như: *Đường hội yếu*, *Đại Chu khâm thiên lịch*, *Luật chuẩn...*, trong *Toàn Đường văn* có tuyển

chọn 4 trước tác của ông, bao gồm: *Tấu tiến Khâm thiên lịch biểu*, *Tường định Nhã Lạc sở*, *Bình biên sách* và *Thái thanh thần giám tự*.

(8). Tiết Cư Chính, *Cựu Ngũ đại sử*, quyển 128, *(Chu thư) liệt truyện 8*.

(9), (10). Thoát Thoát, *Tống sử*, quyển 274, *Truyện Vương Sằn*, tr.9364.

(11). Thoát Thoát, *Tống sử*, quyển 261, *Truyện Trần Tư Nhượng*. Nguyên văn: “子 欽 祚，累遷至 香 藥庫使、長州刺史。”。

(12). Nay là huyện Lô Long, tỉnh Hà Bắc, Trung Quốc.

(13), (14). Thoát Thoát, *Tống sử*, quyển 261, *Truyện Trần Tư Nhượng*.

(15). Nay là huyện Chính Định, tỉnh Hà Bắc, Trung Quốc

(16). Thoát Thoát, *Tống sử*, quyển 285, tr.9622.

(17). *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 4, tr.95.

(18). Lê Tắc: *An Nam chí lược*, quyển 4, *Tiền triều chinh thảo*. Trung Hoa thư cục, 1995, tr.99-100.

(19). Ngô Nhậm Thân, *Thập quốc xuân thu*, quyển 30: *Truyện thế - Lưu Trường*. Trung Hoa thư

cục, 1983. Nguyên văn: 劉澄者後主藩邸舊人也, tr.440.

(20). Thoát Thoát, *Tống sử*, quyển 263: *Truyện Lưu Hy Cổ*. Nguyên văn: 及下潤州, 获知州刘澄、监军崔亮, 部送阙下, tr.9102.

(21). Tư Mã Quang, *Tư Trị thông giám*, quyển 288, *Hậu Hán kỷ tam*. Trung Hoa thư cục, 2012, tr.9399.

(22). Thoát Thoát, *Tống sử*, quyển 254, *Hầu Ích truyện*.

(23), (27). Lý Đào, *Tục tư trị thông giám trường biên*, quyển 21. Trung Hoa thư cục 1979, tr.476, 325.

(24). Lã Tông Lực, *Trung Quốc lịch đại quan chế đại từ điển*, tr.112, 138.

(25). Từ Tùng, *Tống hội yếu tập thảo*, tập 1, *Bình - Bình Thục*, Nxb. Cổ tịch Thượng Hải 2014, tr.26.

(26). Thái Thạch Kì, nằm ở bờ đông của sông Trường Giang, nay thuộc phía Tây của thành phố Mã An Sơn, tỉnh An Huy, Trung Quốc.

(28). Chức quan này được thiết lập từ thời Đường Huyền Tông, có tên là “Nội bát tác sứ - 内八作使”, sang đến thời Tống, chức *Bát tác sứ* nằm trong *Bát tác ty*, thuộc *Đông ban chư sứ ty*.

(29). Lý Đào, *Tục tư trị thông giám trường biên*, quyển 20. Nguyên văn: 其子欽祚為尚食副使。.

(30). Thoát thoát, *Tống sử - Địa lý chí*. 太平興國三年於潞州銅鞮縣亂柳石園中建為軍。

(31). Lý Đào, *Tục tư trị thông giám trường biên*, quyển 21, tr.447. Nguyên văn: “戊子, 命六宅使侯繼隆攻沁州, 閤門祇候王僕攻汾州”.

(32). Lý Đào, *Tục tư trị thông giám trường biên*, quyển 21, tr.470. Nguyên văn: “遣供奉官、閤門祇候王僕使高麗。”.

(33). Hùng Châu nay thuộc thành phố Bảo Định, tỉnh Hà Bắc, Trung Quốc.

(34). Lý Chi Lượng: *Các vị tướng trấn thủ Hùng Châu thời Bắc Tống*, Tạp chí Triết học xã hội khoa học, trường Đại học sư phạm Hà Bắc, số 4-2001.

(35). Lý Đào, *Tục tư trị thông giám trường biên*, quyển 44, tr.945. Nguyên văn: “太祖英武定天下, 猶委孫全興經營和好...”

(36). Lý Đào, *Tục tư trị thông giám trường biên*, quyển 21, tr.475. Nguyên văn: “己未, 雄州團練使孫全興責授蘭州團練使, 坐總戎捍邊, 畏懦不稱職也。”.

(37). Ngô Nhậm Thần, *Thập quốc xuân thu*, quyển 30, tr.440.

(38). Lý Đào, *Tục tư trị thông giám trường biên*, quyển 16, tr.331.

(39). Lương tướng, Là chữ mà cả Lý Đào và Ngô Nhậm Thần dùng để đánh giá về khả năng cầm quân của Lưu Trùng.

(40). Lý Đào, *Tục tư trị thông giám trường biên*, quyển 16, tr.331. Nguyên văn: 卿本未合離孤, 孤亦難與卿別, 但此非卿不可副孤心。.

(41). Thoát Thoát, *Tống sử*, quyển 263: *Truyện Lưu Hi Cổ*, tr.9101. Nguyên văn: “獲知州劉澄、監軍崔亮, 部送闕下”.

(42). Ninh Châu, nay là huyện Hoa Ninh, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc.

(43). *Điện trung thừa* được xếp vào hàng quan văn, có quan bản (tức có dấu riêng, được tập hợp tư liệu cá nhân để xem xét ghi vào sổ sách), và quan giới (tức có quan hiệu và phẩm cấp) từ ngũ phẩm trở lên. *Điện trung thừa* có xuất thân thì được chuyển sang *Thái thường bác sĩ*, không có xuất thân thì chuyển sang làm *Quốc tử bác sĩ*.

(44). Thời Tống sơ, *Thái tử trung xá* là ngũ phẩm kí lục quan.

(45). Thoát Thoát, *Tống sử*, quyển 488, *Giao Chỉ truyện*.

(46). Thoát Thoát, *Tống sử*, quyển 4, *Thái Tông bản kỷ*. Nguyên văn: 十月“丁巳, 交州行營部署孫全興棄市。.”

(47). Ngô Sĩ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1.

(48). Thoát Thoát, *Tống sử*, quyển 4, *Thái Tông bản kỷ*. Nguyên văn: “詔斬劉澄、賈湜於軍中”, tr.66.

(49), (90). Lý Đào, *Tục tư trị thông giám trường biên*, quyển 22, tr.434.

(51). Lý Đào, *Tục tư trị thông giám trường biên*, quyển 22, tr.491. Nguyên văn: “陳欽祚、郝守藩、崔亮皆責授團練副使, 欽祚慶州, 守藩磁州, 亮嵐州”.

(52). Trương Huyền: *Chí Đại Kim Lăng tân chí*, quyển 3: *Kim Lăng biểu* 5.